

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
Tỉnh Thái Bình**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 17/01/2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Bảo.
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Cúc.
2. Ông Trần Văn Hiếu.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án.
- *Đại diện VKSND huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*
Bà Đỗ Thị Luyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2018/TLST - HNGĐ ngày 24/7/2018 về việc: **“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXX- ST ngày 23/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2018/QĐST - HNGĐ ngày 28/12/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST - HNGĐ ngày 09/01/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hà Văn H, sinh năm 1981.
2. *Bị đơn:* Chị Chu Thị H1, Sinh năm 1982.

Đầu ĐKKHKT: Phổ HT, thị trấn T, huyện TH, tỉnh Thái Bình.
(Anh H có mặt; chị H1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn ngày 26/6/2018 , biên bản ghi lời khai ngày 24/7/2018, biên bản kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ ngày 12/11/2018 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Hà Văn H trình bày: Anh và chị Chu Thị H1 kết hôn với nhau là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện TH vào ngày 28/9/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng từ năm 2016. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị TAND huyện Tiền Hải giải quyết cho anh được ly hôn với chị Chu Thị H1.

Về con chung: Anh và chị Chu Thị H1 có một con chung là Hà Ngọc M, sinh ngày 06/5/2002. Vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của anh là được trực tiếp nuôi con Hà Ngọc M và anh không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con M cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của anh và chị H1.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/9/2018, bị đơn chị Chu Thị H1 trình bày: Chị và anh Hà Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện TH vào ngày 28/9/2001. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không tin tưởng chị, nghi ngờ chị có quan hệ với người khác, anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 8 năm 2018 chị đã chuyển ra ngoài sinh sống, từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh H có đơn xin ly hôn chị, quan điểm của chị là đồng ý ly hôn anh H vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung là Hà Ngọc M, sinh ngày 06/5/2002. Vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi con Hà Ngọc M và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H có tài sản chung là 01 ngôi nhà mái bằng tại số nhà 21, phố HT, thị trấn T, huyện TH, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và trình bày quan điểm về đường lối giải quyết vụ án: - Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hà Văn H được ly hôn chị Chu Thị H1. Về quan hệ con chung: Giao con chung Hà Ngọc M, sinh ngày 06/5/2002 cho anh Hà Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh H không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về quan hệ tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Chị H1 có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản chung và không nộp tạm ứng án phí chia tài sản nên phần tài sản chung không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh Hà Văn H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa cũng như phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về tố tụng:** Bị đơn là chị Chu Thị H1 có hộ khẩu thường trú tại thị trấn T, huyện TH, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa anh Hà Văn H và chị Chu Thị H1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H1 nên đã đủ căn cứ để mở phiên tòa xét xử vụ án. Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải đã mở phiên tòa nhưng tại phiên tòa ngày 09/01/2019 chị H1 vắng mặt, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh H có mặt, chị H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo thủ tục chung.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn H và chị Chu Thị H1 kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện TH, tỉnh Thái Bình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc được đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Xét yêu cầu của anh H xin ly hôn chị H1, Hội đồng xét xử thấy anh H và chị H1 sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy là hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, giải quyết cho anh H được ly hôn với chị H1 là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh H và chị H1 có một con chung là Hà Ngọc M, sinh ngày 06/5/2002. Xét thấy từ khi chị H1 chuyển ra ngoài sinh sống thì con chung Hà Ngọc M vẫn ở cùng anh H và cháu M cũng có nguyện vọng được ở cùng với anh H sau khi anh chị ly hôn. Nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh H. Giao con chung Hà Ngọc M cho anh Hà Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nên chị Chu Thị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con Hà Ngọc M cùng anh Hà Văn H.

[3] Về tài sản chung, công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Chị H1 có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản chung và cũng không nộp tạm ứng án phí chia tài sản nên phần tài sản chung và công nợ không đặt ra giải quyết. Khi nào anh H, chị H1 có yêu cầu chia tài sản thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác.

[4] Về án phí: Anh Hà Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27; điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho anh Hà Văn H được ly hôn với chị Chu Thị H1.

2/ Về con chung:

Giao con chung Hà Ngọc M, sinh ngày 06/5/2002 cho anh Hà Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Chu Thị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung Hà Ngọc M cùng anh Hà Văn H.

Chị Chu Thị H1 có quyền thăm nom và giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung, công nợ:

Không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được thụ lý giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác.

4/ Về án phí: Anh Hà Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số: 0008764 ngày 24/7/2018 được chuyển thành tiền án phí.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Phòng Kiểm tra Tòa án Tỉnh
- Chi cục THADS h Tiền Hải;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Hải Bảo